

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HC-PT
Ngày 05-4-2023
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai và giải quyết khiếu
nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tấn;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 27/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-PT ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ 2, khu phố 5, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 4, khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2022), có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đoàn Minh T, chức vụ: Chủ tịch UBND phường V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Hồng T1, chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã T, là người đại diện theo pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 2, khu phố 5, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị G: Ông Trần Văn D, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 7, khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2022), có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 1991; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 1993; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 2, khu phố 5, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2021, ngày 19/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất có diện tích 3.157m², tọa lạc tại khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương do cha của ông Nh là ông Nguyễn Văn G1 (đã chết vào năm 1994) khai phá trước năm 1975. Năm 1990, khi ông Nh lập gia đình thì ông G1 đã tặng cho ông Nh diện tích đất trên để ra ở riêng, thời điểm này đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất, vợ chồng ông Nh trồng cao su và hoa màu để làm nguồn thu nhập chính cho gia đình. Năm 1996, Ủy ban nhân dân phường V có thông báo cho ông Nh về việc Ủy ban nhân dân phường sẽ sử dụng 01 phần diện tích đất của ông Nh để xây trụ sở Ủy ban do vị trí xây dựng kế bên đất của ông Nh. Ông Nh đồng ý để Ủy ban lấy đất nhưng với điều kiện Ủy ban phải hoán đổi cho ông Nh một phần đất khác có diện tích tương đương để gia đình ông Nh có tư liệu sản xuất ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường V không thực hiện theo thỏa thuận, chưa thực hiện việc hoán đổi đất nhưng lại tự ý cho người vào chặt cao su, san ủi đất của ông Nh. Khi phát hiện sự việc thì ông Nh có đến Ủy ban phường khiếu nại và ngăn chặn việc lấy đất. Sau đó, Bí thư Đảng ủy phường V là ông

Châu Văn T2 có đến nhà để động viên vợ chồng ông Nh giao đất đồng thời hứa hoán đổi phần đất khác cho ông Nh, do tin tưởng nên vợ chồng ông Nh đồng ý.

Sau khi trụ sở Ủy ban nhân dân phường V được xây dựng xong nhưng Ủy ban phường không thực hiện việc hoán đổi đất và bồi thường giá trị cây trồng trên đất nên ông Nh đã làm đơn khiếu nại. Ủy ban phường đã tiến hành đo đạc thực tế, xác định diện tích đất mà Ủy ban sử dụng để xây trụ sở là $1.927m^2$ thuộc thửa đất số 624, tờ bản đồ 21. Tại biên bản ngày 17/11/1997, Ủy ban nhân dân phường V đồng ý tạm thời bồi thường cho ông Nh giá trị cây trồng trên đất với số tiền 1.000.000 đồng, còn đất thì hứa sẽ giải quyết sau nên ông Nh đồng ý nhận tiền và chờ Ủy ban đổi đất. Tại biên bản ngày 17/11/1997, Ủy ban cũng đồng ý tạm giao phần đất còn lại là $1.230m^2$ cho ông Nh sử dụng và vợ chồng ông Nh tiếp tục trồng cây lâu năm trên phần đất này cho đến nay. Ngoài ông Nh, còn có các hộ dân lân cận là ông Lê Văn B và bà Huỳnh Thị Th cũng có đất bị UBND sử dụng để xây dựng trụ sở giống như ông Nh.

Năm 2002, Ủy ban nhân dân phường vẫn không thực hiện việc hoán đổi đất hay bồi thường về giá trị đất mà Ủy ban đã sử dụng nên ông Nh tiếp tục khiếu nại, đồng thời ông Nh có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất $1.230m^2$ còn lại. Lúc này, Ủy ban nhân dân phường cho rằng đất của ông Nh là đất của chế độ cũ để lại nên không giải quyết, vì vậy ông Nh đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã T. Tại Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã T quyết định: *“Bác đơn của ông Nh về việc xin hoán đổi vị trí đất khác hoặc bồi hoàn tiền công khai phá diện tích đất $1.927m^2$ hiện Ủy ban nhân dân phường V đã xây dựng trụ sở và xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất $1.230m^2$; giữ nguyên hiện trạng diện tích đất $1.927m^2$ làm trụ sở Ủy ban nhân dân phường V và tạm giao diện tích đất $1.230m^2$, thửa đất số 625 cho ông Nh sử dụng trồng hoa màu đến khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì ông Nh có trách nhiệm trả lại”*.

Mặc dù không đồng ý với nội dung Quyết định nêu trên nhưng do cuộc sống khó khăn đồng thời phía ông B và bà Th cũng chưa được giải quyết quyền lợi nên ông Nh không tiếp tục khiếu nại mà vẫn sử dụng diện tích $1.230m^2$ để trồng cao su cho đến nay.

Năm 2020, ông Nh biết được ông Lê Văn B đã được cấp giấy chứng nhận nên ông Nh tiếp tục tiến hành thủ tục đăng ký kê khai và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường V làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất $1.230m^2$ nhưng Ủy ban nhân dân phường V đã ban hành Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 về việc không giải quyết hồ sơ của ông Nh do đây là đất công do phường quản lý. Không đồng ý với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân phường V nên ngày 09/12/2020, ông Nh khiếu nại đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân phường V phải tiến hành đổi đất hoặc phải bồi thường đất theo đúng với giá chuyển nhượng trên thị trường cho ông Nh đối với diện tích đất $1.927m^2$ đã trưng dụng xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân phường. Ngày 11/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V ban hành Quyết định số

27/QĐ-UBND với nội dung là không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Nh. Nhận thấy, quyền và lợi ích bị xâm phạm nên ông Nh đã khởi kiện Ủy ban nhân dân phường V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V tại Tòa án nhân dân thị xã T yêu cầu giải quyết:

Hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T.

Buộc Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T phải thực hiện hành vi hành chính là làm thủ tục để Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.230m², thuộc thửa đất 625, tờ bản đồ số 21, tại phường V, thị xã T cho ông Nguyễn Văn Nh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V trong quá trình tố tụng đã trình bày:

Thửa đất số 624, 625 tờ bản đồ 21, tổng diện tích 3.157m² có nguồn gốc là đất đồn bót của chế độ cũ. Cha ông Nh là ông Nguyễn Văn G1 và một số hộ dân bao chiếm sử dụng trồng cây cao su và hoa màu. Sau năm 1975, Ủy ban nhân dân phường V đã đưa phần đất trên vào quản lý mục đích công cộng. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện: năm 1996, Ủy ban nhân dân phường V có chủ trương xây dựng trụ sở mới trên diện tích đất thuộc phần đất ông Nh đang trồng cao su nên địa phương có mời ông Nh đến để thông báo việc quy hoạch xây dựng trụ sở Ủy ban và yêu cầu bàn giao đất thì ông Nh đồng ý. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường V tiến hành san ủi phần đất có diện tích 1.927m² để xây dựng trụ sở, lúc này trên đất có cây cao su và hoa màu nhưng Ủy ban chưa bồi hoàn công phục hóa gìn giữ đất cho ông Nh. Năm 1997, ông Nh có đơn xin giải quyết bồi thường thành quả lao động cây trồng trên đất, Ủy ban nhân dân phường V đã mời ông Nh đến giải quyết. Tại biên bản ngày 17/11/1997 xác định diện tích đất 3.157m² thuộc thửa đất số 624, 625 tờ bản đồ 21 là đất Nhà nước nên không xem xét giải quyết bồi thường về giá trị đất mà chỉ bồi hoàn thành quả lao động trên đất cho ông Nh với số tiền 1.000.000 đồng. Ông Nh đồng ý nhận số tiền trên. Đối với phần đất còn lại có diện tích 1.230m² thuộc thửa đất số 625 tờ bản đồ 21 do Ủy ban nhân dân phường V chưa sử dụng nên tạm giao cho ông Nh trồng hoa màu và yêu cầu ông Nh khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì ông Nh phải giao đất lại cho Nhà nước. Ủy ban phường không hứa hoán đổi đất như ông Nh trình bày.

Trong quá trình sử dụng diện tích đất 1.230m² thuộc thửa đất số 625 tờ bản đồ 21 thì ông Nh đã nhiều lần làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân phường không đồng ý. Năm 2004, sau khi bị Ủy ban phường từ chối làm thủ tục cấp đất thì ông Nh đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã T để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 10/8/2004, Ủy ban nhân dân thị xã T đã bác đơn của ông Nh, giữ nguyên hiện trạng diện tích 1.927m² đã xây trụ sở Ủy ban nhân dân phường V, phần diện tích còn lại là 1.230m² thuộc thửa đất số 624 tờ bản đồ 21 tạm giao

cho ông Nh sử dụng trồng hoa màu, khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì gia đình ông Nh có trách nhiệm giao đất lại cho Nhà nước.

Đến ngày 21/10/2020, ông Nguyễn Văn Nh tiếp tục gửi đơn qua đường Bưu điện đề nghị hợp thức hóa quyền sử dụng đất có diện tích 1.230m² thuộc thửa đất số 625 tờ bản đồ 21. Qua rà soát hồ sơ quản lý đất công trên địa bàn trong đó có thửa đất mà ông Nh yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ngày 04/11/2020, Ủy ban nhân dân phường V đã ban hành Văn bản số 1125/UBND-TD trả lời ông Nh có nội dung: Không thể hướng dẫn lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vì đất công hiện phường đang quản lý.

Ngày 10/12/2020, ông Nguyễn Văn Nh nộp đơn khiếu nại đối với Văn bản số 1125/UBND-TD của Ủy ban nhân dân phường V. Ngày 11/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của ông Nh với lý do khiếu nại của ông Nh là không có cơ sở vì: tại biên bản ngày 17/11/1997 của Ủy ban nhân dân phường V đã xác định phần đất có tổng diện tích 3.157m² thuộc thửa 624, 625 tờ bản đồ 21, trong đó diện tích đất đã xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân phường là 1.927m², phần diện tích còn lại 1.230m² tạm thời giao cho ông Nh quản lý trồng hoa màu, khi nào Nhà nước có nhu cầu thì phải giao đất lại cho Nhà nước. Ông Nh đã đồng ý ký vào biên bản ngày 17/11/1997 và nhận tiền bồi hoàn về giá trị hoa màu. Đồng thời, tại Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Nh cũng đã khẳng định lại nội dung trên. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc bác đơn khiếu nại của ông Nh là đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 190/UBND-ĐC ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân phường V đã nêu: căn cứ thực tế sử dụng đất và bản đồ địa chính thì phần đất có diện tích 1.230m² thuộc thửa đất số 624 tờ bản đồ 21 chứ không phải thửa đất số 625 tờ bản đồ 21 được thể hiện tại nội dung của Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 10/8/2004. Đây là sai sót trong quá trình đánh máy.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G là ông Trần Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Ng và chị Nguyễn Thị Ngọc Ch thống nhất trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:

Diện tích đất 1.230m² thuộc thửa đất số 625, tờ bản đồ số 21 tại phường V, thị xã T thuộc phạm vi đất công do Ủy ban nhân dân phường V quản lý. Tại Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Nh, Ủy ban nhân dân thị xã T tạm giao diện tích đất

1.230m², thuộc thửa đất số 625 cho ông Nguyễn Văn Nh trồng hoa màu, khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn Nh có trách nhiệm giao lại. Hiện diện tích đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Do đây là đất công, Ủy ban nhân dân thị xã T tạm giao cho ông Nh trồng hoa màu nên việc ông Nguyễn Văn Nh yêu cầu Ủy ban nhân dân phường V thực hiện hành vi hành chính làm thủ tục hợp thức hóa để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Nh đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân phường V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 31/8/2022 ông Nguyễn Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện xác định: Kể từ năm 1997 đến nay diện tích đất thửa đất 625 (theo xác nhận của UBND phường V chính xác là thửa 624), tờ bản đồ số 21 vẫn do vợ chồng ông Nh quản lý, sử dụng ổn định, không bị ai tranh chấp. UBND phường V chưa từng có văn bản nào yêu cầu vợ chồng ông Nh trả lại diện tích đất nêu trên cũng không tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa. Thời điểm, UBND phường V đưa thửa đất trên vào danh mục quỹ đất công vào thời điểm nào thì vợ chồng ông Nh không biết, thực tế UBND phường V không tiến hành niêm yết công khai cho dân biết. Do đó, việc UBND phường V xác định thửa đất trên là đất công để từ chối thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh là không đúng. Vì vậy, ông Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Viện Kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Xét, Quyết định giải quyết khiếu nại số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nh đối với Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của UBND phường V có nội dung không thể hướng dẫn cho ông Nh lập thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất vì diện tích đất nêu trên là đất công do UBND phường quản lý. Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự khởi kiện bổ sung yêu cầu xem xét Văn bản số 1125 là quyết định hành chính ban đầu hoặc xem xét tính hợp pháp của văn bản này trong bản án theo Điều 193 Luật Tố tụng hành chính là có sai sót.

Trong trường hợp có căn cứ hủy Quyết định số 27 thì văn bản ban đầu (gốc) sẽ có hiệu lực pháp luật, nên cần hướng dẫn đương sự khởi kiện yêu cầu xem xét Văn bản số 1125 để giải quyết triệt để vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên là cơ sở pháp lý để bác yêu cầu khởi kiện của ông Nh là không phù hợp, bởi lẽ áp dụng Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính thì cần xem xét tính hợp pháp của các Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205 ngày 01/9/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương là các quyết định có liên quan đến Quyết định giải quyết khiếu nại số 27 và đưa UBND tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra thu thập đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Nh đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về việc xác định đối tượng bị khởi kiện và loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính: Ngày 10/10/2020, ông Nguyễn Văn Nh có đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.230m² thuộc thửa 625, tờ bản đồ 21 (thực tế là thửa 624, tờ bản đồ 21). Ngày 04/11/2020, Ủy ban nhân dân phường V ban hành Văn bản số 1125/UBND-TD về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Nh có nội dung: Ủy ban nhân dân phường V không thể hướng dẫn cho ông lập thủ tục cấp hợp thức hóa quyền sử dụng đất vì diện tích đất 1.230m² là đất công do phường quản lý. Ngày 10/12/2020, ông Nh nộp đơn khiếu nại đối với Công văn số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường V. Ngày 11/01/2021, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân phường V ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Nh. Tại Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính quy định: “...*Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại văn bản hành chính, hành vi hành chính đó và trả lời kết quả cho Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan...*”. Tại khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính quy định “...*Hội đồng xét xử có quyền quyết định chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)...*”. Đối chiếu với quy định nêu trên thì Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 có liên quan trực tiếp đến Quyết định hành chính bị khởi kiện. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự khởi kiện bổ sung để yêu cầu Tòa án xem xét Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 là quyết định hành chính ban đầu hoặc xem xét tính hợp pháp của văn bản này trong bản án theo quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính là có sai sót. Vì vậy, quá trình xét xử phúc thẩm Tòa án sẽ xem xét giải quyết đối với các quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến quyết định hành chính bị kiện để vụ án được giải quyết triệt để. Đồng thời, Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của UBND phường V về việc trả lời không thể hướng dẫn cho ông Nh lập thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất có liên quan trực tiếp đến Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V về giải quyết khiếu nại bị khởi kiện. Do đó, văn bản nêu trên cũng là đối tượng được xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định đã viện dẫn. Mặt khác, Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 là quyết định giải quyết khiếu nại nhưng bản án sơ thẩm xác định loại việc thụ lý, giải quyết: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là chưa đầy đủ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại*”.

[1.4] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Ng và bà Nguyễn Thị Ngọc Ch vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Văn bản 1125/UBND-TD ngày 04/01/2020 và Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021:

[2.1.1] Xét về thẩm quyền:

Ông Nguyễn Văn Nh là người đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và đã nộp hồ sơ đến UBND phường V để được xác nhận. Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của UBND phường V do Chủ tịch UBND phường V trực tiếp ký và ghi thay mặt UBND được thực hiện đúng thời hiệu, thẩm quyền và trình tự theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Nh, Chủ tịch UBND phường V đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại khoản 4 Điều 36 và Điều 71 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.2] Về căn cứ:

- Đối với văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của UBND phường V:

Tại Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của UBND phường V trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Nguyễn Văn Nh có nội dung: *“thửa đất ông xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liền kề với trụ sở UBND phường V thuộc thửa 624 tờ bản đồ 21, hiện trạng đất trồng cây lâu năm. Hiện tại diện tích của thửa đất 624 tờ bản đồ 21 nằm trong danh sách thuộc đất công do phường V quản lý. Các trường hợp đất công UBND phường quản lý nhưng người dân đang sử dụng và hiện UBND phường đã tổng hợp (trong đó có diện tích thửa đất 624, tờ bản đồ 21) báo cáo đến UBND thị xã T xem xét cho ý kiến giải quyết theo quy định của pháp luật...”*. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có văn bản yêu cầu UBND phường V cung cấp chứng cứ chứng minh thửa đất số 625, tờ bản đồ số 21 (thực tế là thửa đất số 624, tờ bản đồ số 21) do nhà nước quản lý, hiện thửa đất nằm trong danh sách theo Quyết định phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T qua các thời kỳ; kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ và quy định về việc quản lý đất công do nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, UBND phường V chỉ cung cấp được sổ mục kê lập năm 1998 thể hiện thửa đất số 624, tờ bản đồ 21, diện tích 2.676 m², loại ĐM tên chủ sử dụng đất là “UBND xã V”.

Tại Công văn số 190/UBND-ĐC ngày 20/02/2023 của UBND phường V xác định *“Thời điểm xây dựng trụ sở UBND xã (nay là phường) có ban hành kế hoạch thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư... hay không, thì do thời gian thực hiện đến nay đã lâu không còn hồ sơ lưu trữ nên địa phương không rõ”*. Công văn số 280/UBND-VP ngày 13/3/2023 của UBND phường V cũng thể hiện: *“... Diện tích đất thuộc thửa 624, 625 do UBND xã V (nay là phường V) kê*

khai đăng ký theo sổ mục kê đất đai tại trang số 78, quyển số 02 được lập năm 1998 và danh sách đất công do UBND phường quản lý. Việc UBND xác định phần diện tích đất trên thuộc đất công từ năm 1996 là do ý kiến của các lãnh đạo thời kỳ trước đây cho rằng diện tích đất trên có nguồn gốc là đất đồn bót cũ trước năm 1975 để lại và đưa vào quản lý đất công của xã (nay là phường)”.

Căn cứ Bảng tổng hợp diện tích quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng tại xã V kèm theo Quyết định số 8317/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND huyện Tân Uyên; Danh sách 22 tổ chức sử dụng đất trên địa bàn huyện Tân Uyên kèm theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 09/12/2012 của UBND tỉnh Bình Dương; Danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương kèm theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Bình Dương; Danh mục quỹ đất công do UBND phường V quản lý, sử dụng kèm theo Quyết định số 3980/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND thị xã T do Ủy ban nhân dân phường V cung cấp ở giai đoạn phúc thẩm thì không có nội dung nào dẫn chiếu đến thửa đất số 624, tờ bản đồ số 21 xã V, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Như vậy, đến thời điểm ông Nh làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chưa có văn bản nào xác định thửa đất số 624, tờ bản đồ số 21 là đất công. Ngày 20/01/2021, ông Nh khởi kiện yêu cầu Quyết định giải quyết khiếu nại số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND phường V tại Tòa án nhân dân thị xã T thì đến ngày 19/7/2021, UBND thị xã T mới ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương trong đó có thửa 624, tờ bản đồ 21 do ông Nguyễn Văn Nh sử dụng và ghi chú hộ dân đề nghị cấp giấy chứng nhận. Đồng thời, UBND phường V không cung cấp chứng cứ thể hiện UBND phường đã lập danh sách các thửa đất công do UBND phường quản lý gửi UBND thị xã xem xét; sau khi UBND thị xã T ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt quỹ đất do Nhà nước quản lý thì UBND phường cũng không tiến hành niêm yết công khai danh sách các khu đất do Nhà nước quản lý tại trụ sở UBND để người dân biết theo quy định tại Điều 24 Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 đối với thửa 624, tờ bản đồ 21.

Công văn số 280/UBND-VP ngày 13/3/2023 của UBND phường V thể hiện *“Căn cứ Quyết định số 2159 ...thì thửa 624, tờ bản đồ 21 có diện tích 1.793,8m² và ngoài thực địa là 1.230m² được UBND xã V xác định vào năm 2004 theo Quyết định 1436..., nên nếu xác định diện tích đất thực tế là bao nhiêu thì phải tiến hành đo đạc lại diện tích thực tế đất...”*. Theo quy định tại tiểu mục 1 mục 5 Chương II của Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có nội dung *“Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, kiểm kê trên thực địa và hồ sơ địa chính để thiết lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất: đất công trình công cộng; đất công ích; đất chưa sử dụng nêu tại Điều 3 Quy định này để làm cơ sở quản lý chặt chẽ”*. Như vậy, có căn cứ xác định UBND phường V thực tế không quản lý trên thực địa phần đất này.

Từ những căn cứ trên xét việc UBND phường V xác định thửa đất số 625 (thực tế là thửa 624), tờ bản đồ 21 là đất công nhưng không đưa vào danh mục đất công do nhà nước quản lý qua các thời kỳ từ năm 1997 đến 2021 trên địa bàn huyện (thị xã T) hay địa bàn tỉnh Bình Dương. Đồng thời, UBND phường V không nắm được diện tích đất cụ thể, không cung cấp được hồ sơ, quyết định thể hiện kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất từ năm 1997 đến nay theo quy định của Luật Đất đai và quy định về việc quản lý đất công theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh Bình Dương nên việc UBND phường V trả lời về nguồn gốc đất đối với đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Nguyễn Văn Nh tại Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 là không phù hợp.

+ Đối với Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND phường V:

Chủ tịch UBND phường V đã căn cứ biên bản ngày 17/11/97 có nội dung *“thống nhất bồi thường bằng tiền thành quả lao động bỏ ra trồng cây cao su với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) miếng đất đang xây dựng UBND còn lại số đất chưa xây dựng thống nhất cho trồng cây hàng bông khi nào nhà nước yêu cầu xây dựng thì trả lại cho nhà nước”* và Quyết định số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 của UBND huyện Tân Uyên về việc giải quyết giải đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nh để giải quyết và bác khiếu nại của ông Nh. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 1436 nêu trên, do vậy quyết định này mặc dù không bị khởi kiện nhưng có liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện. Lẽ ra khi giải quyết thì cấp sơ thẩm cần xem xét đến các biên bản làm việc cùng thể hiện ngày 11/7/97 của UBND xã V (nay là phường V) từ đó làm rõ tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 và Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 vì nó đã được phía người bị kiện làm căn cứ bác yêu cầu khởi kiện của ông Nh. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông Nh không tranh chấp đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1436/QĐ-CT ngày 10/8/2004 và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật từ đó xác định Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 có căn cứ là nhầm lẫn. Tuy nhiên, xét nội dung của Quyết định số 27 đã sử dụng lại nội dung của Quyết định số 1436 đồng thời phía người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất với nội dung của biên bản ngày 11/7/97. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 79 Luật Tố tụng hành chính 2015 nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vì những thiếu sót trên.

Xét, diện tích đất 1.230m² thửa đất số 625 (thực tế là thửa 624), tờ bản đồ 21 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G1 (cha ông Nguyễn Văn Nh) khai phá, sau đó giao lại cho ông Nh quản lý. Quá trình tố tụng, người bị kiện xác định năm 1997 tạm giao cho ông Nguyễn Văn Nh quản lý, sử dụng và yêu cầu khi nào nhà nước có nhu cầu sử dụng thì trả lại. Tuy nhiên, từ năm 1997 đến nay UBND phường V vẫn chưa có văn bản nào yêu cầu ông Nh trả lại diện tích đất nêu trên cũng không tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa. Tại

Biên bản xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T thể hiện: “*phần diện tích đất 1.230m², thuộc thửa đất số 624 hiện trạng có 14 cây cao su ông Nh trồng vào năm 1991 và 09 cây lồng mức tự mọc*”. Điều này xác định việc ông Nguyễn Văn Nh có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài. Căn cứ khoản 3 Điều 17 Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định: “*3. Đối với các thửa đất bị lấn, bị chiếm trước ngày 01/7/2004 nếu người sử dụng đất đang sử dụng đúng quy hoạch, nền đất ổn định, không có nguy cơ bị sạt lở, không tranh chấp thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai*”. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân phường V ban hành Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 về việc không hướng dẫn ông Nguyễn Văn Nh lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Nh có nội dung không đồng ý hợp thức hóa diện tích đất 1.230m² để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh vì xác định diện tích đất trên thuộc đất công là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên những thiếu sót này đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm; sai sót này không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Do đó, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Nh không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, người bị kiện phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 220; khoản 4 Điều 225; khoản 2 Điều 241; Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 17 Quyết định số 04/2014/QĐ - UBND ngày 25/4/2014 của UBND tỉnh Bình Dương; khoản 4 Điều 36 và Điều 71 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 7, Điều 17, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Nh.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V và Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương:

- Hủy Văn bản số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn Nh về việc xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất;

- Hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T “*về việc giải quyết đơn khiếu nại Văn bản hành chính số 1125/UBND-TD ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường V (lần đầu)*”.

2.2. Buộc Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (Buộc Ủy ban nhân dân phường V lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Nh đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ 21 theo quy định của pháp luật).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Nh không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Nh số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005520 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Chủ tịch UBND phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

3.2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Nh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Nh số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006164 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V phải chịu 1.000.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn Nh đã nộp tạm ứng,

nên ông Nh được nhận lại 1.000.000 đồng, sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa HC, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thắm